

Tăng tỷ trọng

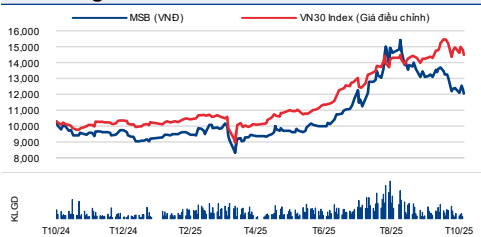
Giá mục tiêu: VNĐ15,700

Tiềm năng tăng/giảm: 30.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2025)	12,050
Mã Bloomberg	MSB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	8,333-15,416
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	12,250
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	37,596
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,429
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,120
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	936
Slg CP NN được mua (tr.đv)	7.80
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.8%
Tỷ lệ freefloat	74.1%
Cổ đông lớn	VNPT (6.05%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	320,148	372,730	429,731
Dư nợ cho vay (ntđ)	176,493	212,098	254,672
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	14,218	16,419	17,135
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5,520	6,539	5,990
BVPS (đồng)	11,800	13,894	15,813
EPS (đồng)	1,769	2,096	1,920
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	18.3	20.2	20.1
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	16.0	15.5	4.36
Tăng trưởng EPS (%)	18.4	18.5	(8.39)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	16.2	16.3	12.9
ROAA (%)	1.88	1.89	1.49
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.24	3.37
Tỷ lệ CIR (%)	36.8	36.7	41.0
Hệ số CAR (%)	12.6	13.0	12.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.67	2.50	2.45
LLR/nợ xấu (%)	64.1	59.5	59.7
Hệ số LDR (%)	114	111	111
P/B (lần)	1.02	0.87	0.76
P/E (lần)	6.81	5.75	6.28
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngân hàng tư nhân quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam, tập trung vào mảng bất động sản và cho vay mua nhà.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 tăng 31% so với mức nền thấp, không đạt kỳ vọng

- LNTT Q3 của MSB tăng 31% so với mức nền thấp cùng kỳ, không đạt dự báo của chúng tôi do lãi thuần HĐ dịch vụ yếu hơn dự kiến. Tín dụng tăng trưởng mạnh 15,9% so với đầu năm, tỷ lệ NIM được giữ vững (tăng 9 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 3 điểm cơ bản so với cùng kỳ) và chi phí dự phòng giảm xuống, xu hướng sát với dự báo của chúng tôi.
- Chất lượng tài sản vẫn chưa cải thiện. Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ 9 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,8%. Lãi dự thu & tỷ lệ lãi dự thu trên thu nhập lãi gia tăng là yếu tố gây quan ngại về rủi ro của chất lượng tài sản.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng qua, MSB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,81 lần, thấp hơn so với bình quân quá khứ ở mức 0,92 lần và thấp hơn 41% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và dự báo.

Sự kiện: LNTT tăng 31% nhờ mức nền thấp cùng kỳ

LNTT Q3/2025 đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, tăng 31% so với mức nền thấp cùng kỳ và nhờ thu nhập lãi thuần tăng trưởng mạnh mẽ, trong đó tín dụng tăng trưởng cao và tỷ lệ NIM được giữ vững (so với cùng kỳ và so với quý trước) cùng với việc chi phí dự phòng giảm – diễn biến sát với dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần thấp hơn so với dự báo của chúng tôi chủ yếu do lãi thuần HĐ dịch vụ không đạt kỳ vọng.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, LNTT đạt 4,8 nghìn tỷ đồng (hoàn thành 58% dự báo của chúng tôi), giảm 3% so với cùng kỳ, nhưng vẫn tăng khoảng 16% so với cùng kỳ nếu loại ra các khoản thu nhập không thường xuyên trong 9 tháng đầu năm 2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, MSB

LNTT tăng mạnh so với mức nền thấp nhờ tăng trưởng thu nhập lãi thuần; tuy nhiên, lãi thuần HĐ dịch vụ giảm

	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	2,396	2,815	17%	7,103	7,904	11%	73%
Thu nhập ngoài lãi	537	588	10%	2,860	2,293	-20%	41%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	371	200	-46%	1,040	1,108	7%	62%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	-131	285		846	786	-7%	68%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	66	-37	-155%	153	30	-80%	15%
Thu nhập khác	230	140	-39%	821	369	-55%	15%
Tổng thu nhập HĐ	2,933	3,404	16%	9,964	10,197	2%	62%
Chi phí HĐ	-1,163	-1,326	14%	-3,339	-3,864	16%	64%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	1,770	2,077	17%	6,625	6,333	-4%	61%
Chi phí dự phòng	-558	-490	-12%	-1,723	-1,572	-9%	72%
LNTT	1,212	1,587	31%	4,901	4,760	-3%	58%
Lợi nhuận thuần	978	1,274	30%	3,902	3,777	-3%	58%

Nguồn: MSB, HSC

Tín dụng tăng mạnh 15,9% so với đầu năm thúc đẩy thu nhập lãi thuần tăng 17%

Tín dụng của MSB tăng trưởng mạnh mẽ 15,9% so với đầu năm, cao hơn tăng trưởng tín dụng hệ thống, nhưng chỉ tăng nhẹ 2,1% so với quý trước, khả năng do bị hạn chế bởi hạn mức tăng trưởng tín dụng. Tín dụng tăng trưởng mạnh ở cả Ngân hàng mẹ (tăng 15,1% kể từ đầu năm và tăng 1,5% so với quý trước) và công ty con tài chính tiêu dùng TNEX (tăng 91,3% kể từ đầu năm và tăng 54% so với quý trước; đóng góp 2% tổng dư nợ tín dụng). Tính trong quý 3, tăng trưởng tín dụng hầu hết đến từ phân khúc bán lẻ (tăng 22,1% kể từ đầu năm tăng trưởng và tăng 8,1% so với quý trước), trong khi tín dụng phân khúc khách hàng doanh nghiệp đi ngang so với quý trước (tăng 13,7% kể từ đầu năm). Cơ cấu tín dụng theo ngành, động lực tăng trưởng chính đến từ ngành FMCG (tăng 26,4% kể từ đầu năm và tăng 14,2% so với quý trước).

Đối với huy động, tiền gửi & tổng vốn huy động (tiền gửi + giấy tờ có giá) tăng lần lượt 18,6% và 19,2% so với đầu năm, và tăng lần lượt 5,1% và 4% so với quý trước. Từ đó, hệ số LDR điều chỉnh giảm nhẹ xuống 98% từ 100% trong Q2/2025 và Q4/2024.

Tỷ lệ NIM cải thiện từ đáy, tăng 9 điểm cơ bản so với quý trước

Nhìn chung, tỷ lệ NIM và lợi suất theo quý đang chạm đáy từ mức nền thấp vào Q1/2025. Trong đó, tỷ lệ NIM tăng nhẹ 9 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 3 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 3,37% nhờ lợi suất tăng nhẹ 6 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 16 điểm cơ bản so với cùng kỳ) và chi phí huy động giảm 6 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 12 điểm cơ bản so với cùng kỳ). Chi phí huy động quý 3 nhìn chung được kiểm soát tốt - một điểm sáng trong bối cảnh lãi suất LNH tiếp tục ở mức cao - nhờ tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tăng lên 27,3% từ 26,8% trong Q2/2025 nhưng vẫn thấp hơn mức đỉnh khoảng 38% trong năm 2022 và tỷ lệ tiền gửi khách hàng doanh nghiệp tăng lên 53,5% từ 49,8% trong Q2/2025.

Tuy nhiên, tỷ lệ NIM kể từ đầu năm đạt 3,29%, vẫn giảm 16 điểm cơ bản so với tỷ lệ NIM cốt lõi năm 2024 (NIM không bao gồm khoản thu nhập lãi không thường xuyên 600 tỷ đồng).

Thu nhập ngoài lãi kém tích cực do hầu hết các mảng kinh doanh đều giảm so với cùng kỳ

Thu nhập ngoài lãi tăng nhẹ 10% so với cùng kỳ nhờ HĐ kinh doanh ngoại hối ghi nhận lãi thuần so với lỗ trong năm ngoái, trong khi các mảng kinh doanh khác đều âm đạm. Đáng chú ý, lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 46% so với cùng kỳ và giảm 59% so với quý trước do khoản thu nhập phí khác giảm mạnh. Ngoài ra, HĐ mua bán trái phiếu ghi nhận lỗ và thu nhập từ thu hồi nợ xấu giảm nhẹ 13% so với cùng kỳ xuống 77 tỷ đồng.

Áp lực nhẹ lên chất lượng tài sản nhưng nhìn chung ổn định

Chất lượng tài sản chịu áp lực nhẹ với tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 2,8% từ 2,7% trong cả Q2/2025 và Q4/2024. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành nhìn chung ổn định ở mức 1,4% (theo năm), tương đương bình quân 6 quý và thấp hơn đáng kể so với mức trên 2% của năm 2023 khi chất lượng tài sản chịu sức ép. Tuy nhiên, lãi dự thu trên nợ nhóm 1 đã tăng lên 4,1% từ 3,6% trong Q2/2025 và 2,9% trong Q4/2024, tương đương tỷ lệ lãi dự thu trên tổng thu nhập lãi tăng lên và cho thấy tiềm ẩn rủi ro chất lượng tài sản suy yếu.

Chi phí dự phòng Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025 giảm lần lượt 12% và 9% so với cùng kỳ. Chi phí tín dụng tiếp tục ở mức thấp hơn so với nợ xấu mới hình thành trong 3 quý đầu năm 2025. Theo đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 54% từ 56% trong Q2/2025 và 64% trong Q4/2024. Với việc Ngân hàng tiếp tục duy trì sử dụng dự phòng xử lý nợ xấu ổn định, tỷ lệ bao phủ nợ xấu

LLR giảm xuống và rủi ro về chất lượng tài sản vẫn hiện hữu, chúng tôi cho rằng khả năng vẫn còn áp lực trích lập dự phòng trong thời gian tới.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm lần lượt 5% và 15% trong 1 tháng và 2 tháng qua, MSB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,81 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 0,92 lần và thấp hơn 41% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	18,951	18,681	21,498	25,903	31,568
Chi phí lãi	(9,763)	(8,438)	(10,667)	(12,865)	(15,847)
Thu nhập lãi thuần	9,189	10,243	10,831	13,038	15,721
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,597	1,354	1,779	1,932	2,318
Lãi thuần HĐ KDNH	1,072	1,056	1,149	1,405	1,405
Lãi/lỗ từ mua bán CK	499	273	202	347	416
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	1.63	0	0	0	0
Thu nhập khác	(99.5)	1,292	2,458	413	406
Tổng thu nhập HĐ	12,259	14,218	16,419	17,135	20,267
Chi phí HĐ	(4,812)	(5,230)	(6,022)	(7,025)	(8,148)
LN trước dự phòng	7,447	8,988	10,397	10,110	12,119
Chi phí dự phòng	(1,617)	(2,084)	(2,180)	(2,623)	(3,483)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,830	6,904	8,218	7,488	8,636
Chi phí thuế TNDN	(1,186)	(1,384)	(1,679)	(1,498)	(1,727)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	4,644	5,520	6,539	5,990	6,909
EPS (đồng)	1,494	1,769	2,096	1,920	2,214
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	3,109	3,120	3,120	3,120	3,120
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	940	1,203	1,703	2,037	2,446
Tiền gửi tại NHNN	4,589	5,495	3,832	4,584	5,503
Tiền gửi tại các TCTD khác	61,150	60,936	72,492	69,118	79,794
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	146,783	173,467	208,945	250,948	301,455
Tổng dư nợ cho vay	149,145	176,493	212,098	254,672	305,710
Dự phòng rủi ro	(2,363)	(3,026)	(3,153)	(3,724)	(4,255)
Chứng khoán đầu tư	37,880	65,570	70,988	84,763	101,606
CK đầu tư sẵn sàng để bán	37,897	65,605	71,022	84,816	101,658
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(17.1)	(34.9)	(33.7)	(52.7)	(52.7)
Đầu tư dài hạn	10.0	12.0	1.24	1.24	1.24
Tài sản cố định	403	433	444	421	400
Tài sản khác	15,252	13,032	14,326	17,858	21,431
Tổng tài sản	267,006	320,148	372,730	429,731	512,636
Nợ phải trả	235,708	283,331	329,383	380,393	456,389
Tiền gửi của NHNN	1,013	9,204	2,879	2,297	2,756
Tiền gửi của các TCTD khác	85,554	92,189	106,436	114,951	137,918
Tổng tiền gửi KH	132,350	154,612	191,584	229,205	275,139
Trái phiếu và CCTG	8,991	21,211	21,287	25,467	30,571
Nợ khác	7,537	5,384	6,386	7,663	9,195
Vốn chủ sở hữu	31,298	36,817	43,348	49,338	56,247
Vốn điều lệ	20,000	26,000	31,200	31,200	31,200
Thặng dư vốn cổ phần	33.5	33.0	33.5	33.5	33.5
Lợi nhuận giữ lại	8,674	7,495	7,728	12,738	18,748
Quỹ & vốn khác của CSH	2,591	3,289	4,386	5,367	6,265
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	267,006	320,148	372,730	429,731	512,636
BVPS (đồng)	10,031	11,800	13,894	15,813	18,028

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	25.5	19.9	16.4	15.3	19.3
Tăng trưởng cho vay KH (%)	23.6	18.3	20.2	20.1	20.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	13.0	16.8	23.9	19.6	20.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	9.81	24.4	21.1	19.6	20.0
Tăng trưởng VCSH (%)	17.4	17.6	17.7	13.8	14.0
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	10.4	11.5	5.74	20.4	20.6
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.68	8.68	15.1	16.7	16.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	18.8	20.7	15.7	(2.76)	19.9
Tăng trưởng LNTT (%)	0.74	18.4	19.0	(8.88)	15.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	0.61	18.9	18.5	(8.39)	15.3

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.11	4.84	4.74	4.27	4.30
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.01)	(1.78)	(1.74)	(1.75)	(1.73)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	93.4	95.6	96.4	96.3	96.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.94	2.13	2.43	2.52	2.95
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	17.7	21.2	25.1	23.0	26.6

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.07	6.81	5.75	6.28	5.44
P/B (lần)	1.20	1.02	0.87	0.76	0.67
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	37.9	38.8	39.8	35.0	34.1
ROAA (%)	1.94	1.88	1.89	1.49	1.47
ROAE (%)	16.0	16.2	16.3	12.9	13.1
Chi phí huy động BQ (%)	4.79	3.34	3.56	3.71	3.87
Lợi suất góp BQ (%)	8.46	6.66	6.44	6.71	6.97
Lợi suất thuần (%)	3.68	3.32	2.88	3.00	3.10
Tỷ lệ NIM (%)	4.10	3.65	3.24	3.37	3.47
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	13.0	9.52	10.8	11.3	11.4
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.0	72.0	66.0	76.1	77.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	12.0	18.4	23.2	12.6	11.0
Tỷ lệ CIR (%)	39.3	36.8	36.7	41.0	40.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.8	12.6	13.0	12.8	12.3
VCSH/Tổng TS (%)	11.7	11.5	11.6	11.5	11.0
Đòn bẩy vốn (lần)	8.53	8.70	8.60	8.71	9.11

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.87	2.67	2.50	2.45	2.20
Hệ số LLR (%)	55.2	64.1	59.5	59.7	63.3

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	113	114	111	111	111
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	37.7	34.4	33.3	31.1	31.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	55.9	55.1	56.9	59.3	59.6

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	263	260	260	260	260
Số lượng nhân viên	6,317	6,678	6,744	6,811	6,879

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn